

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 10 - 2024

V/v: *Không công nhận là vợ chồng,
tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tông Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Phương.

Ông Lý A Náng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý A Đà - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Vừ Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc: Không công nhận là vợ chồng và tranh chấp về việc nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Giàng A P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản Đ, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Vàng Thị C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Bản Đ, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện ngày 02/10/2024 và bản tự khai anh Giàng A P trình bày:

**** Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vàng Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 2006, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. C1 sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C đi làm ăn xa, không quan tâm đến chồng, con và gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện, mâu thuẫn gia đình trầm trọng***

và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận là vợ chồng.

* *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung:

+ Giàng A S, sinh ngày 24/4/2007.

+ Giàng Thị M, sinh ngày 06/06/2009.

Hiện nay các con đang sinh sống cùng anh P tại bản Đê Sủa, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng các con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2024, bị đơn Vàng Thị C trình bày:*

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C chung sống như vợ chồng với anh Giàng A P từ năm 2006, không đăng ký kết hôn; chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện và đã thống nhất đường ai nấy đi; bản thân chị C đi làm ăn xa, không cho anh P biết địa chỉ từ năm 2016 đến nay. Nay anh P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, Chị Vàng Thị C xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn với anh P.

* *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung:

+ Giàng A S, sinh ngày 24/4/2007.

+ Giàng Thị M, sinh ngày 06/06/2009.

Hiện nay các con đang sinh sống cùng anh P tại bản Đê Sủa, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 07/10/2024, Ủy ban nhân dân xã L cho biết:

Anh Giàng A P và chị Vàng Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2006 không đăng ký kết hôn; về mâu thuẫn gia đình giữa anh P và chị C đã được hai bên gia đình hòa giải, nhưng không thành. Chị C bỏ nhà đi từ năm 2016, thỉnh thoảng có gọi điện về thăm con và gia đình. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã thì chị Vàng Thị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản Đ, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái.

Về điều kiện kinh tế gia đình: Anh P và chị C đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/10/2024 các cháu Giàng A S và Giàng Thị M trình bày:

Nếu nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố (Giàng A P).

Tại biên bản hoà giải ngày 04/10/2024 các đương sự thoả thuận được với nhau về việc nuôi con như sau: Anh Giàng A P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung. Chị Vàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng pháp luật; các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Giàng A P và chị Vàng Thị C là vợ chồng.

Về con chung:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Anh Giàng A P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Giàng A S và Giàng Thị M.

Chị Vàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

Nguyên đơn Giàng A P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn Vàng Thị C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy anh Giàng A P và chị Vàng Thị C có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của anh P và chị C là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận anh Giàng A P và chị Vàng Thị C là vợ chồng.

[3]. Về con chung:

Công nhân sự thoả thuận của các đương sự như sau: Anh Giàng A P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Giàng A S và Giàng Thị M.

[4]. Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Anh P không đề nghị chị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đến việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản và nợ chung:

Do các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Giàng A P và chị Vàng Thị C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Giàng A P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng A S, sinh ngày 24/4/2007 và cháu Giàng Thị M, sinh ngày 06/06/2009.

Chị Vàng Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7, Điều 7A và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Lao Chải;
- Lưu HS

**T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Tòng Văn Q